

Số: 75 /QĐ-LQĐ

Phường 4, ngày 03 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai Quyết toán ngân sách Quý III năm 2023
của Trường Tiểu học Lê Quý Đôn

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ QUÝ ĐÔN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 230/QĐ-PGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Mỹ Tho về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thành phố Mỹ Tho;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán Trường Tiểu học Lê Quý Đôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách quý III năm 2023 của Trường Tiểu học Lê Quý Đôn (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu, các tổ chuyên môn, văn phòng và các đơn vị liên quan thuộc và trực thuộc nhà trường thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



Lê Thị Minh Thắm

UBND THÀNH PHỐ MỸ THO
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ QUÝ ĐÔN

Biểu số 3

Chương: 622

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN QUÝ III NĂM 2023

DVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
A	Quyết toán thu		
I	Tổng số thu		
1	Thu phí, lệ phí (Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)		
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ (Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)		
3	Thu viện trợ (chi tiết theo từng dự án)		
4	Thu sự nghiệp khác (Chi tiết theo từng loại thu)		
II	Số thu nộp NSNN		
1	Phí, lệ phí (Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)		
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ (Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)		
3	Hoạt động sự nghiệp khác (Chi tiết theo từng loại thu)		
III	Số được để lại chi theo chế độ		
1	Phí, lệ phí (Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)		
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ (Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)		
3	Thu viện trợ		
4	Hoạt động sự nghiệp khác (Chi tiết theo từng loại thu)		
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	8,166,367,402	8,166,367,402
I	Loại 070, khoản 072 (KP Thường xuyên)	8,147,617,402	8,147,617,402
- Mục 6000 (Tiền Lương)		3,838,476,852	3,838,476,852
	Tiểu mục 6001 (Lương)	3,838,476,852	3,838,476,852
- Mục 6050 (Tiền lương trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng).		46,600,000	46,600,000
	Tiểu mục 6051 (Tiền lương trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng).	46,600,000	46,600,000

STT	Chi tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
- Mục 6100 (Phụ cấp Lương)		2,324,729,556	2,324,729,556
	Tiểu mục 6101 (PC Chức vụ)	48,756,000	48,756,000
	Tiểu mục 6105 (PC Thêm giờ)	56,560,689	56,560,689
	Tiểu mục 6107 (PC Độc hại)	2,868,000	2,868,000
	Tiểu mục 6112 (PC Ưu đãi)	1,333,497,410	1,333,497,410
	Tiểu mục 6113 (PC trách nhiệm)	5,736,000	5,736,000
	Tiểu mục 6115 (PCTN nghề, PCTN VK)	838,809,857	838,809,857
	Tiểu mục 6149 (PC khác)	38,501,600	38,501,600
- Mục 6250 (Phúc lợi tập thể)		82,279,800	82,279,800
	Tiểu mục 6251 (Trợ cấp khó khăn thường xuyên)	0	0
	Tiểu mục 6252 (Trợ cấp khó khăn đột xuất)	0	0
	Tiểu mục 6299 (Chi khác)	82,279,800	82,279,800
- Mục 6300 (Các khoản đóng góp)		1,153,240,336	1,153,240,336
	Tiểu mục 6301 (BHXH)	858,994,880	858,994,880
	Tiểu mục 6302 (BHYT)	147,256,263	147,256,263
	Tiểu mục 6303 (KPCĐ)	97,903,771	97,903,771
	Tiểu mục 6304 (BHTN)	49,085,422	49,085,422
- Mục 6150 (HTCP học tập)		0	0
	Tiểu mục 6157 (HTCP Học tập)	0	0
- Mục 6400 (Các khoản thanh toán khác cho cá nhân)		171,357,384	171,357,384
	Tiểu mục 6404 (Thu nhập tăng thêm)	0	0
	Tiểu mục 6449 (Chi khác)	171,357,384	171,357,384
- Mục 6500 (Thanh toán dịch vụ công cộng)		208,628,085	208,628,085
	Tiểu mục 6501 (tiền điện)	84,627,720	84,627,720
	Tiểu mục 6502 (tiền nước)	122,748,000	122,748,000
	Tiểu mục 6504 (tiền vệ sinh môi trường)	1,252,365	1,252,365
- Mục 6550 (Vật tư văn phòng)		22,115,029	22,115,029
	Tiểu mục 6551 (VPP)	4,241,000	4,241,000
	Tiểu mục 6552 (CC, DC Văn phòng)	0	0
	Tiểu mục 6559 (Vật tư văn phòng khác)	17,874,029	17,874,029
- Mục 6600 (Thông tin, tuyên truyền, liên lạc)		12,325,029	12,325,029
	Tiểu mục 6601 (Cước phí điện thoại)	598,829	598,829
	Tiểu mục 6605 (thuê bao internet, đường truyền)	11,596,000	11,596,000
	Tiểu mục 6608 (Sách, báo, tạp chí thư viện)	130,200	130,200
- Mục 6700 (Công tác phí)		22,700,000	22,700,000
	Tiểu mục 6701 (tiền xe CTP)	0	0
	Tiểu mục 6702 (Phụ cấp CTP)	200,000	200,000



STT	Chi tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
	Tiểu mục 6704 (Khoán CTP)	22,500,000	22,500,000
- Mục 6750 (Chi phí thuê mướn)		215,141,560	215,141,560
	Tiểu mục 6754 (thuê thiết bị các loại)	11,056,560	11,056,560
	Tiểu mục 6757 (thuê lao động trong nước)	196,850,000	196,850,000
	Tiểu mục 6758 (thuê đào tạo lại cán bộ)	5,200,000	5,200,000
	Tiểu mục 6799 (Chi phí thuê mướn khác)	2,035,000	2,035,000
- Mục 6900 (Mua sắm tài sản phục vụ chuyên môn)		13,600,000	13,600,000
	Tiểu mục 6912 (các thiết bị công nghệ thông tin)	13,600,000	13,600,000
	Tiểu mục 6921 (đường điện, cấp thoát nước)	0	0
	Tiểu mục 6949 (các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở)	0	0
- Mục 6950 (Sửa chữa phục vụ chuyên môn)		11,800,000	11,800,000
	Tiểu mục 6954 (Tài sản và thiết bị chuyên dùng)	0	0
	Tiểu mục 6955 (Tài sản và thiết bị văn phòng)	0	0
	Tiểu mục 6956 (Các thiết bị công nghệ thông tin)	11,800,000	11,800,000
- Mục 7000 (Sửa chữa phục vụ chuyên môn)		15,642,000	15,642,000
	Tiểu mục 7001 (mua hàng hóa, vật tư chuyên môn)	14,232,000	14,232,000
	Tiểu mục 7004 (Đồng phục, trang phục)	0	0
	Tiểu mục 7049 (Chi khác)	1,410,000	1,410,000
- Mục 7050 (mua sắm TS vô hình)		0	0
	Tiểu mục 7053 (mua, bảo trì phần mềm)	0	0
- Mục 7750 (chi khác)		8,981,771	8,981,771
	Tiểu mục 7757 (chi bảo hiểm tài sản và phương tiện)	8,981,771	8,981,771
	Tiểu mục 7761 (chi tiếp khách)	0	0
- Mục 7950 (Chi lập các quỹ)		0	0
	Tiểu mục 7952 (Quỹ Phúc lợi)	0	0
	Tiểu mục 7953 (Quỹ Khen thưởng)	0	0
II	Loại 070, khoản 072 (KP Không Thường xuyên)	18,750,000	18,750,000
- Mục 6150 (HTCP học tập)		18,750,000	18,750,000
	Tiểu mục 6157 (HTCP Học tập)	18,750,000	18,750,000

Phường 4, ngày 03 tháng 10 năm 2023.

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Thu Liễu

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
LÊ QUÝ ĐƠN
Lê Thị Minh Thắm